Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9506.61.00

Mã HS	9506.61.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools) / - Bóng, trừ bóng chơi gôn và bóng chơi bóng bàn: / - - Bóng tennis
Đơn vị	quả
Thời điểm tạo	09/11/2026 14:55:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/95066100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18793
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18793
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18793
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18067
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17996
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17996
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17996
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17996
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17996
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17996
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18052
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18052
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18052
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18052

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18052
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18052
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18053
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18053
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18053
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18053
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18053
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18053
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18058
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18015
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18010
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18010
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18010
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18010
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18010
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18010
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18058
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18058
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18058
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18058
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18058
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18058
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18122
VCFTA	2023	2023	5	VC!E18122
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18122
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18122

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18122
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18122
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18096
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18096
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18096
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18096
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18096
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18096
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18089
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18089
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18089
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18089
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18089
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18089
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D18119
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18119
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18119
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18119
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18119
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18119
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D18118
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18118
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18118
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18118
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18118
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18118

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18212
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18212
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18212
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18212
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18212
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18212
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18212
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18083
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18083
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18083
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18083
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18083
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18083
RCEP B	2022	2022	0	B!D18083
RCEP B	2023	2023	0	B!E18083
RCEP B	2024	2024	0	B!F18083
RCEP B	2025	2025	0	B!G18083
RCEP B	2026	2026	0	B!H18083
RCEP B	2027	2027	0	B!I18083
RCEP C	2022	2022	0	C!D18081
RCEP C	2023	2023	0	C!E18081
RCEP C	2024	2024	0	C!F18081
RCEP C	2025	2025	0	C!G18081
RCEP C	2026	2026	0	C!H18081
RCEP C	2027	2027	0	C!I18081
RCEP D	2022	2022	0	D!D18080

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18080
RCEP D	2024	2024	0	D!F18080
RCEP D	2025	2025	0	D!G18080
RCEP D	2026	2026	0	D!H18080
RCEP D	2027	2027	0	D!I18080
RCEP E	2022	2022	0	E!D18085
RCEP E	2023	2023	0	E!E18085
RCEP E	2024	2024	0	E!F18085
RCEP E	2025	2025	0	E!G18085
RCEP E	2026	2026	0	E!H18085
RCEP E	2027	2027	0	E!I18085
RCEP F	2022	2022	0	F!D18083
RCEP F	2023	2023	0	F!E18083
RCEP F	2024	2024	0	F!F18083
RCEP F	2025	2025	0	F!G18083
RCEP F	2026	2026	0	F!H18083
RCEP F	2027	2027	0	F!I18083
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16955
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16955
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16955
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16955

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9506.61.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9506.61.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18793), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.